TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 156/2026/QĐST-HNGĐ	*Hưng Yên, ngày 15 tháng 6 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 327/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Đ, sinh năm 1987
HKTT: Thôn HX, xã TH, tỉnh Hưng Yên.
Địa chỉ: TDP NK, xóm z, phường N, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1984
Địa chỉ: Thôn HX, xã TH, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị Đ và anh Nguyễn Hữu H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Đ và anh Nguyễn Hữu H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Đ, anh H có 01 con chung là Nguyễn Hữu Minh K, sinh ngày 19/01/2013. Anh, chị thỏa thuận giao cháu Minh K cho chị Đ trực tiếp

nuôi dưỡng cho đến khi cháu Khang đủ 18 tuổi. Anh H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị Đ.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Đ và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh H thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Bùi Thị Đ tự nguyện nhận chịu 150.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0002652 ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

Hoàn trả chị Bùi Thị Đ số tiền 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lý

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDKV1- Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã TH
(Giấy CNKH số 12 ngày 23/02/2012);
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án;